Chi tiết mã HS 6115.10.90

Mã HS	6115.10.90
Mô tả hàng hóa	Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc / - Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch): / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc/đôi
Thời điểm tạo	09/11/2026 16:40:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/61151090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9359
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9359
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9359
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8924
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8877
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8877
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8877
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8877
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8877
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8877
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E8929
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8929

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8929
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8929
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8929
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8929
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8930
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8930
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8930
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8930
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8930
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8930
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8931
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8883
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8889
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8889
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8889
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8889
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8889
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8889
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8912
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8912
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8912
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8912
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8912
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8912
VCFTA	2022	2022	4	VC!D8959
VCFTA	2023	2023	2	VC!E8959

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8959
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8959
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8959
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8959
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8939
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8939
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8939
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8939
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8939
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8939
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D8952
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E8952
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F8952
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G8952
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H8952
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8952
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8956
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8956
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8956
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8956
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8956
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8956
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8955
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8955
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8955
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8955

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8955
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8955
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8907
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8907
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8907
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8907
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8907
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8907
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8907
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8946
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8946
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8946
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8946
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8946
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8946
RCEP B	2022	2022	0	B!D8946
RCEP B	2023	2023	0	B!E8946
RCEP B	2024	2024	0	B!F8946
RCEP B	2025	2025	0	B!G8946
RCEP B	2026	2026	0	B!H8946
RCEP B	2027	2027	0	B!I8946
RCEP C	2022	2022	0	C!D8946
RCEP C	2023	2023	0	C!E8946
RCEP C	2024	2024	0	C!F8946
RCEP C	2025	2025	0	C!G8946
RCEP C	2026	2026	0	C!H8946

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I8946
RCEP D	2022	2022	0	D!D8945
RCEP D	2023	2023	0	D!E8945
RCEP D	2024	2024	0	D!F8945
RCEP D	2025	2025	0	D!G8945
RCEP D	2026	2026	0	D!H8945
RCEP D	2027	2027	0	D!I8945
RCEP E	2022	2022	0	E!D8949
RCEP E	2023	2023	0	E!E8949
RCEP E	2024	2024	0	E!F8949
RCEP E	2025	2025	0	E!G8949
RCEP E	2026	2026	0	E!H8949
RCEP E	2027	2027	0	E!I8949
RCEP F	2022	2022	0	F!D8946
RCEP F	2023	2023	0	F!E8946
RCEP F	2024	2024	0	F!F8946
RCEP F	2025	2025	0	F!G8946
RCEP F	2026	2026	0	F!H8946
RCEP F	2027	2027	0	F!I8946
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F8259
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G8259
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H8259
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I8259

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6115.10 có 2 dòng thuế; dòng 6115.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6115.10.10 Vớ cho người giãn tĩnh mạch, từ sợi tổng hợp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6115.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6115.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9359), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.